

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 30/2022/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

Anh **Đặng Minh T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 02 năm 2022 chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Minh T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Có 02 cháu tên Đặng Thị Yến N, sinh ngày 12/4/2015 và Đặng Thị Yến M, sinh ngày 16/02/2017, anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi, anh Đặng Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Nợ chung: Không có.

[5] Xét thấy, việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Minh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Minh T thuận tình ly hôn.

Con chung: Giao 02 cháu tên Đặng Thị Yến N, sinh ngày 12/4/2015 và Đặng Thị Yến M, sinh ngày 16/02/2017, cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi, anh Đặng Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng/02 con chung, từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi 02 cháu Đặng Thị Yến N và Đặng Thị Yến M đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đặng Minh T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự về chậm thực hiện nghĩa vụ tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Đặng Minh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001671 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên chị Nguyễn Thị N đã thi hành xong phần lệ phí.

Anh Đặng Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con, anh đã nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001670 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh Đặng Minh T phải nộp tiếp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND Phú Nhuận;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Phụng